

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2020/DS-PT

Ngày 26-6-2020

“V/v tranh chấp đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quán

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Ông Nguyễn Thiện Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tấn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 48/2019/DS-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện TT bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 264/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Văn T1, sinh năm 1965; (đã chết ngày 06/5/2019).

Địa chỉ cư trú: Số 339, Ấp 6, xã ANT, huyện TT, tỉnh Long An.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

1.1. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1966;

1.2. Chị Phan Thị Diễm K, sinh năm 1989;

1.3. Anh Phan Chí T2, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 339 Ấp 6, xã ANT, huyện TT, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L1, chị Phan Thị Diễm K, anh Phan Chí T2: Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1963; Địa chỉ cư trú: Số 1/55B đường CT, ấp CX, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Long An. (Văn bản ủy quyền ngày 12/6/2019).

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Kim P, sinh năm 1959;

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã ANT, huyện TT, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đinh Văn L2, sinh năm 1959;

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã ANT, huyện TT, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông L2: Bà Phạm Thị Kim P, sinh năm 1959; Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã ANT, huyện TT, tỉnh Long An. (Văn bản ủy quyền ngày 25/4/2017).

3.2. Ủy ban nhân dân huyện TT, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện TT, tỉnh Long An: Ông Trịnh Phước Trung (Văn bản ủy quyền số 1446/UQ-UBND ngày 12/10/2017).

3.3. Công ty trách nhiệm hữu hạn ANT LA.

Trụ sở: Số 25/1 Quốc lộ 1A, xã LH, huyện BL, tỉnh Long An.

4. Người kháng cáo: Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L1, chị Phan Thị Diễm K, anh Phan Chí T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/02/2017 của ông Phan Văn T1 và những lời trình bày tiếp theo của đại diện người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T3 như sau: Ông T1 là con của ông Phan Văn Đầu (đã chết năm 1973) và bà Phạm Thị Tòng (đã chết năm 1995). Khi còn sống, cha mẹ ông T1 có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất và nhà trên phần đất thuộc thửa 80, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.071m² tọa lạc tại ấp 5, xã ANT, huyện TT, tỉnh Long An. Đến năm 1993, bà Phạm Thị Tòng cho ông T1 phần đất diện tích 200m² tọa lạc tại ấp 5, xã ANT, huyện TT, tỉnh Long An để cất nhà sinh sống riêng. Đến năm 1995, bà Tòng mất nên không có làm thủ tục sang tên cho ông T1 phần đất đã cho diện tích 200m² nhưng ông T1 vẫn quản lý sử dụng phần đất này.

Khi Nhà nước có chủ trương giải tỏa bồi thường để làm khu công nghiệp ANT, giữa ông T1 và bà Phạm Thị Kim P có thỏa thuận bà P đại diện ông T1 làm thủ tục nhận tiền đền bù, hỗ trợ phần đất diện tích 200m². Năm 2007, khi nhận tiền bồi thường đợt 1, bà P có giao cho ông T1 số tiền 35.000.000đ. Khi nhận tiền bồi thường đợt 2, bà P không có giao tiền cho ông T1.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn T1 là bà Nguyễn Thị L1, chị Phan Thị Diễm K, anh Phan Chí T2 yêu cầu bà Phạm Thị Kim P và ông Đinh Văn L2 giao trả số tiền bồi thường hỗ trợ tái định cư còn lại là 200.760.000đ (tương ứng 200m²) và lãi suất 0,8%/tháng trên số tiền trên kể từ ngày 19/01/2017 cho đến nay là 51.394.560, tổng cộng là 252.154.560đ.

Bị đơn bà Phạm Thị Kim P và đồng thời đại diện cho ông Đinh Văn L2 thống nhất có ý kiến như sau: Phần đất diện tích 1.071m² thuộc thửa 80, tờ bản đồ số 01 là của ông Phan Văn Đâu (chết năm 1973) và bà Phạm Thị Tòng (chết năm 1995). Sau khi ông Đâu chết thì toàn bộ diện tích đất trên do bà Tòng quản lý, sử dụng. Năm 1994, do bà Tòng bị bệnh, không có tiền chữa trị nên họp gia đình để bán phần đất trên. Bà P và ông L2 đã mua phần đất này với giá 04 cây vàng 9999.

Năm 1996, bà P làm thủ tục cấp giấy và được Ủy ban nhân dân huyện TT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/11/1996 với diện tích 1.071m². Không có ai tranh chấp với bà từ khi bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay.

Ngày 19/10/2007, Ủy ban nhân dân huyện TT ra Quyết định 2266/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất thửa 80 do thu hồi đất để thực hiện dự án hạ tầng khu công nghiệp ANT, bồi thường cho bà P phần đất giá trị là 374.850.000đ, giá trị tài sản trên đất là 186.681.608đ, các khoản hỗ trợ khác là 11.108.000đ.

Ngày 23/10/2007, Hội đồng giải phóng mặt bằng giao cho bà P số tiền theo quyết định là 569.639.608đ.

Ngày 18/11/2008, Ủy ban nhân dân huyện TT ra Quyết định 3243/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Phạm Thị Kim P để thực hiện dự án hạ tầng khu công nghiệp xã ANT phần đất thửa số 80, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.071m².

Ngày 21/01/2010, Ủy ban nhân dân huyện TT ban hành Quyết định số 632/QĐ-UBND về việc hỗ trợ thêm giá trị nhà cửa, vật kiến trúc, công trình và tái định cư ưu đãi bằng tiền cho bà P tổng cộng số tiền 116.746.522đ.

Không đồng ý với Quyết định 2266/QĐ-UBND ngày 19/10/2007 và Quyết định 3243/QĐ-UBND ngày 18/11/2008 của Ủy ban nhân dân huyện TT, bà yêu cầu Tòa án hủy 02 quyết định này và được Tòa án chấp nhận theo bản án số 54/2011/HCPT ngày 23/9/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Ngày 14/6/2013, Ủy ban nhân dân huyện TT ra Quyết định 3558/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ giá chênh lệch năm 2008 so với năm 2007 cho bà Phạm Thị Kim P. Không đồng ý Quyết định 3558/QĐ-UBND nên bà yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 3558/QĐ-UBND và Tòa án hủy Quyết định 3558/QĐ-UBND theo bản án số 37/2014/HC-ST ngày 16/9/2014.

Ngày 27/12/2016, Ủy ban nhân dân huyện TT ban hành Quyết định số 7561/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho bà Phạm Thị Kim P do thu hồi đất để thực hiện dự án hạ tầng khu công nghiệp ANT.

Ngày 18/02/2017, Ủy ban nhân dân huyện TT ban hành Quyết định số 423/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho bà Phạm Thị Kim P do thu hồi đất để thực hiện dự án hạ tầng khu công nghiệp ANT. Giá trị bồi thường tổng cộng là

1.997.283.257đ (trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 1.217.727.000đ, tài sản trên đất là 734.708.257đ, các khoản hỗ trợ là 44.848.000đ).

Hiện tại, bà P không có khiếu nại Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 18/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện TT.

Năm 2007, bà thấy gia đình ông T1 khó khăn nên bà có cho ông T1 số tiền 30.000.000đ để làm ăn sinh sống và đây không phải là tiền bồi thường hỗ trợ tái định cư. Bà và ông L2 không đồng ý theo yêu cầu của ông T1 phải hoàn trả số tiền bồi thường hỗ trợ, tái định cư đối với phần đất diện tích 200m² là 200.760.000đ (tương ứng 200m²) và tính lãi suất 0,8/tháng trên số tiền trên kể từ ngày 19/01/2017 cho đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện TT do ông Trịnh Phước Trung đại diện có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn ANT LA vắng mặt tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án.

Ngày 14/02/2017, ông Phan Văn T1 khởi kiện ra Tòa án.

Ngày 27/02/2017, Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý vụ án.

Ngày 30/8/2017, Tòa án nhân dân huyện TT tạm đình chỉ giải quyết vụ án chờ kết quả giải quyết vụ án hành chính.

Ngày 06/5/2019, ông Phan Văn T1 chết

Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 48/2019/DS-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện TT đã áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 100, Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn T1 là bà Nguyễn Thị L1, chị Phan Thị Diễm K và anh Phan Chí T2 tranh chấp “Đòi tài sản” với bà Phạm Thị Kim P về việc yêu cầu bà Phạm Thị Kim P, ông Đinh Văn L2 hoàn trả số tiền bồi thường 200.760.000đ, tiền lãi 51.394.560đ, tổng cộng là 252.154.560đ (Hai trăm năm mươi hai triệu, một trăm năm mươi bốn nghìn, năm trăm sáu mươi đồng).

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí do đặc, xem xét thẩm định tại chỗ là tổng cộng là 10.500.000đ. Bà L1, chị K và anh T2 phải chịu, đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L1, chị Phan Thị Diễm K, anh Phan Chí T2 phải liên đới chịu số tiền 12.607.728đ (Mười hai triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn, bảy trăm hai mươi tám đồng) án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.252.560đ theo biên thu số 04624 ngày 27/02/2017 và số tiền

355.000đ theo biên thu số 04867 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị L1, chị Phan Thị Diễm K và anh Phan Chí T2 liên đới nộp tiếp số tiền 7.000.168đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 07/11/2019, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T1 kháng cáo toàn bộ bản sơ thẩm, đề nghị buộc bà Phạm Thị Kim P, ông Đinh Văn L2 hoàn trả số tiền bồi thường 200.760.000đ, tiền lãi 51.394.560đ, tổng cộng là 252.154.560đ cho những người thừa kế của ông T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Ông Nguyễn Văn T3 trình bày: Ông T1 được cho sử dụng thửa đất lúa 811 và được bà Tòng cho 200m² đất ở để cất nhà trên một phần thửa 80 do bà P đứng tên quyền sử dụng đất. Phần nhà đã được nhận tiền đền bù, riêng phần đất do bà P đứng tên nên bà P nhận tiền. Dù chưa sang tên qua cho ông T1 nhưng thực tế ông T1 đã sử dụng đất này được bà Tòng cho năm 1993. Thửa 80 diện tích chỉ có 722,1m² nhưng được đền bù theo giấy được cấp 1.071m² là đền bù luôn phần 200m² của ông T1. Trường hợp chỉ căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp để xem xét, đề nghị xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà P. Vì quyền sử dụng đất này là của cha mẹ ông T1 để lại, ông T1 phải được thừa kế. Rất mong Hội đồng xét xử xem xét để bảo vệ quyền lợi cho vợ và các con ông T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các bên đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn bà P không kháng cáo, được triệu tập hợp lệ hai lần, đề nghị xét xử vắng mặt bà P.

Về kháng cáo: Theo hồ sơ và trình bày của đương sự, căn cứ vào Mảnh trích đo của Công ty đo đạc nhà đất Trung Nghĩa, bà P là người sử dụng thửa 80; ông T1 sử dụng thửa 811 đều có nguồn gốc của mẹ ruột là bà Tòng. Theo biên bản thẩm định giữa thửa 80 và 811 có ranh giới rõ ràng. Theo Công văn 280 ngày 02/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện TT quyền sử dụng đất cấp cho bà P là cấp lần đầu, không phải là thừa kế. Tại Quyết định số 3243 ngày 18/11/2008 Ủy ban nhân dân huyện TT thu hồi thửa đất 80, loại đất thổ của bà Phạm Thị Kim P và giải quyết đền bù. Phía nguyên đơn cho rằng bà P đã chi cho ông T1 số tiền 35.000.000đ đền bù giai đoạn 1 nhưng bà P chỉ thừa nhận có cho ông T1 30.000.000đ do thấy ông T1 khó khăn. Ngoài ra, phía nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ gì khác chứng

minh ông T1 được bà Tòng cho 200m² đất trong thửa 80. Do đó án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T1 là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo, áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của những người kế thừa, quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn đúng hạn và thực hiện đầy đủ thủ tục nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm. Việc ủy quyền của đương sự hợp lệ nên được chấp nhận. Bị đơn không kháng cáo được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 14/02/2017, ông T1 khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Kim P trả lại cho ông số tiền đền bù giải tỏa, Tòa án nhân dân huyện TT xác định tranh chấp “Đòi tài sản” thụ lý và xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[3] Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, áp dụng Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phạm vi xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm nội dung bản án có kháng cáo.

[4] Về yêu cầu kháng cáo của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn thấy:

[4.1] Bà P là người được cấp quyền sử dụng phần đất thửa số 80, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.071m² - đo đạc thực tế 722,1m² có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ mẹ ruột là bà Tòng. Tuy đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi là đất thừa kế nhưng theo Công văn số 280/CNVPĐK ngày 02/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện TT xác định cấp giấy cho bà P là cấp lần đầu không phải do hồ sơ thừa kế quyền sử dụng đất.

[4.2] Ông Phan Văn T1 là người sử dụng phần đất thửa số 811, diện tích 2000m² – đo đạc thực tế 2.231,1m² có nguồn gốc cũng từ bà Tòng mẹ ruột cho.

[4.3] Căn cứ Mảnh trích đo địa chính số 01-2017 ngày 10/8/2017 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Trung Nghĩa thể hiện phần đất ông T1 sử dụng thửa 811 có diện tích thực tế 2231,1m² còn phần đất bà P sử dụng thửa 80 diện tích thực tế 722,1m². Ranh giới hai thửa đất rõ ràng được các bên xác định thể hiện trong biên bản thẩm định và Mảnh trích đo.

[4.4] Ông T1 khởi kiện cho rằng trong thửa 80, ông được bà Phạm Thị Tòng cho 200m² đất thổ cát nhà ở, nhưng quyền sử dụng đất ông để cho bà P đứng vì năm xưa chưa kịp sang tên thì mẹ mất. Nay đất bị thu hồi, bà P nhận tiền đền bù nên yêu cầu bà P trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng 200m² cho ông. Tuy nhiên, ông T1 không đưa ra được chứng cứ chứng minh ông được bà Tòng cho về mặt pháp lý, thửa đất 80

bà Tòng chưa được cấp quyền sử dụng đất mà chỉ có bà P được cấp lần đầu năm 1996. Quá trình đền bù, bà P là người đứng ra khiếu nại các Quyết định hành chính trong việc áp giá đền bù và khi kiện ra tòa được Tòa án chấp nhận. Việc ông cất nhà trên một phần thửa đất 80 là thực tế nhưng quyền sử dụng đất thửa 80 vẫn thuộc của bà P.

Phía ông T1 trình bày, năm 2007 giữa ông T1, bà P có thỏa thuận với nhau là để cho bà P làm thủ tục nhận tiền bồi thường sau đó trả lại giá trị bồi thường diện tích 200m² cho ông T1 nhưng trong khi bà P không thừa nhận thì ông T1 và những người kế thừa tố tụng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh việc này. Mặt khác, các con của bà Tòng cũng không ai phản đối hay khiếu nại việc bà P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thậm chí em ruột của ông T1 như bà Phan Thị Kim Chi còn trình bày đất này bà Tòng chuyển nhượng cho bà P lấy tiền trị bệnh.

[5] Án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T1 do bà L1, chị K, anh T2 kế thừa tố tụng và ông T3 đại diện đòi số tiền bồi thường phần đất diện tích 200m² là 200.760.000đ và lãi suất 0,8%/tháng từ ngày 19/01/2017 cho đến nay là có căn cứ.

[6] Phía những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T1 tiếp tục kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ gì khác nên không có cơ sở chấp nhận. Bác kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

[7] Án phí áp dụng Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, kháng cáo không được chấp nhận đương sự phải chịu, nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 và Điều 293, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bác yêu cầu kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn T1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 48/2019/DS-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện TT.

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 100, Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn T1 là bà Nguyễn Thị L1, chị Phan Thị Diễm K và anh Phan Chí T2 đối với bà Phạm Thị Kim P về việc tranh chấp “Đòi tài sản”

Bác yêu cầu của ông Phan Văn T1 do bà Nguyễn Thị L1, chị Phan Thị Diễm K và anh Phan Chí T2 kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng về việc buộc bà Phạm Thị Kim P, ông Đinh Văn L2 hoàn trả số tiền bồi thường 200.760.000đ, tiền lãi 51.394.560đ, tổng cộng là 252.154.560đ (Hai trăm năm mươi hai triệu, một trăm năm mươi bốn nghìn, năm trăm sáu mươi đồng).

2. Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: 10.500.000đ. Bà Nguyễn Thị L1, chị Phan Thị Diễm K và anh Phan Chí T2 phải chịu, đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L1, chị Phan Thị Diễm K, anh Phan Chí T2 phải liên đới chịu số tiền 12.607.728đ (Mười hai triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn, bảy trăm hai mươi tám đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.252.560đ theo biên thu số 04624 ngày 27/02/2017 và số tiền 355.000đ theo biên thu số 04867 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị L1, chị Phan Thị Diễm K và anh Phan Chí T2 liên đới nộp tiếp số tiền 7.000.168đ (Bảy triệu, không trăm lẻ không nghìn, một trăm sáu mươi tám đồng).

Bà Nguyễn Thị L1, chị Phan Thị Diễm K, anh Phan Chí T2 mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ mỗi người 300.000đ tạm ứng theo các biên lai thu số 0007059, 0007061, 0007060 cùng ngày 11/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh Long An.

3. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Quán

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh – Nguyễn Thiện Tâm

Trần Văn Quán